

QUY TẮC

BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI XE VÀ NGƯỜI TRÊN XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 6556/QĐ-BHBV ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt)

LƯU Ý QUAN TRỌNG

1. Khách hàng đọc kỹ điều kiện, điều khoản trong Quy tắc trước khi tham gia bảo hiểm;
2. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, khách hàng vui lòng thông báo ngay cho Bảo Việt để được hỗ trợ và hướng dẫn khắc phục hậu quả tai nạn, giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho quý khách.

MỤC LỤC

PHẦN 1- QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Giải thích từ ngữ.....	2
Điều 2. Hợp đồng bảo hiểm	2
Điều 3. Hiệu lực bảo hiểm và thanh toán phí bảo hiểm.....	3
Điều 4. Sửa đổi bổ sung Hợp đồng bảo hiểm.....	3
Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn	3
PHẦN 2- PHẠM VI BẢO HIỂM	4
Điều 6. Đối tượng bảo hiểm	4
Điều 7. Phạm vi bảo hiểm	4
Điều 8. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm	4
PHẦN 3- LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM.....	4
Điều 9. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm:	4
PHẦN 4- ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG.....	4
1. Bảo hiểm thiệt hại xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam (PLNLT).....	4
2. Các điều khoản bổ sung khác:	5
PHẦN 5- THÔNG BÁO TAI NẠN, GIÁM ĐỊNH BỒI THƯỜNG VÀ KHIẾU NẠI	5
Điều 10. Thông báo tai nạn và giám định thiệt hại.....	5
Điều 11. Mức giảm bồi thường	5
Điều 12. Hồ sơ bồi thường	6
Điều 13. Thời hạn khiếu nại bồi thường và giải quyết tranh chấp	6
PHỤ LỤC: BIỂU PHÍ	8

Trên cơ sở yêu cầu bảo hiểm và nộp phí bảo hiểm theo thỏa thuận, Bảo Việt nhận bảo hiểm tai nạn lái xe và người ngồi trên xe theo các điều khoản quy định trong Quy tắc bảo hiểm này.

PHẦN 1- QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

- 1.1 “Bảo Việt”: là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- 1.2 “Chủ xe”: là chủ sở hữu xe ô tô hoặc người được giao chiếm hữu, sử dụng xe cơ giới, hoặc người chủ sở hữu xe có Hợp đồng mua bán nhưng vẫn chưa làm thủ tục đăng ký sở hữu theo quy định.
- 1.3 “Xe ô tô”: bao gồm xe ô tô, máy kéo, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, *ô tô chuyên dùng^a*, *xe máy chuyên dùng^b*. Không bao gồm xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe đạp điện, xe máy điện.
 - a) *Ô tô chuyên dùng* là ô tô có kết cấu và trang bị để thực hiện một chức năng công dụng đặc biệt, bao gồm: ô tô quét đường, ô tô hút chất thải, ô tô trộn vữa, ô tô trộn bê tông, ô tô bơm bê tông, ô tô cần cẩu, ô tô thang, ô tô khoan, ô tô cứu hộ giao thông; ô tô chuyên dùng khác như ô tô truyền hình lưu động, ô tô đo sóng truyền hình lưu động, ô tô kiểm tra và bảo dưỡng cầu, ô tô kiểm tra cáp điện ngầm, ô tô chụp X-Quang, ô tô phẫu thuật lưu động, ô tô cứu thương, ô tô vận chuyển tiền, xe tang lễ.
 - b) *Xe máy chuyên dùng* gồm xe máy thi công, xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp và các loại xe đặc chủng khác sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh có tham gia giao thông đường bộ.
- 1.4 “Thông tư 22”: Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài Chính quy định Quy tắc, Điều khoản, Biểu phí và Mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của Chủ xe cơ giới.

Điều 2. Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm là giao kết giữa Bảo Việt và Chủ xe, bao gồm:

- 2.1 Quy tắc bảo hiểm tai nạn lái xe và người trên xe: là điều khoản quy định quyền lợi, trách nhiệm của Chủ xe, Bảo Việt và được Bảo Việt cấp khi Chủ xe yêu cầu. Quy tắc bảo hiểm này được đăng tải trên website của Bảo Việt.
- 2.2 Giấy yêu cầu bảo hiểm (theo mẫu in sẵn): để Chủ xe yêu cầu bảo hiểm và thiết lập Hợp đồng bảo hiểm. Đây là một bộ phận cấu thành và không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm. Khi yêu cầu bảo hiểm, chủ xe phải kê khai đầy đủ và chịu trách nhiệm về tính trung thực những nội dung trong giấy yêu cầu bảo hiểm. Trường hợp chủ xe hoặc người thay mặt chủ xe yêu cầu bảo hiểm không ký vào giấy yêu cầu bảo hiểm, nhưng đã nộp phí bảo hiểm thì có nghĩa đã đồng ý với thông tin ghi trên hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm mà Bảo Việt cấp cho Chủ xe.
- 2.3 Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm: do Bảo Việt cấp cho Chủ xe, là bằng chứng ký kết Hợp đồng bảo hiểm và được điều chỉnh theo Quy tắc này.
- 2.4 Sửa đổi bổ sung Hợp đồng bảo hiểm: là một bộ phận của Hợp đồng bảo hiểm, được lập thành văn bản để sửa đổi, bổ sung các điều khoản trong Hợp đồng bảo hiểm.
- 2.5 Các thỏa thuận khác nếu có được lập thành văn bản giữa Chủ xe và Bảo Việt.

Điều 3. Hiệu lực bảo hiểm và thanh toán phí bảo hiểm

- 3.1 Hiệu lực bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 3.2 Trong thời gian hiệu lực bảo hiểm, nếu có sự chuyển quyền sở hữu xe thì quyền lợi bảo hiểm vẫn có hiệu lực đối với Chủ xe mới và chấm dứt hiệu lực đối với Chủ xe cũ ngay tại thời điểm quyền sở hữu xe được chuyển cho Chủ xe mới. Trường hợp Chủ xe cũ không chuyển quyền lợi bảo hiểm cho Chủ xe mới và có yêu cầu hủy Hợp đồng bảo hiểm thì Bảo Việt sẽ hoàn phí bảo hiểm cho Chủ xe cũ theo quy định tại Điều 5 của Quy tắc bảo hiểm này.
- 3.2 Chủ xe (hoặc người thay mặt Chủ xe yêu cầu bảo hiểm) phải thanh toán đủ phí bảo hiểm theo đúng quy định của Bảo Việt, trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản.
- 3.3 Trường hợp Chủ xe chậm đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận và không có yêu cầu Bảo Việt thỏa thuận ấn định lại thời hạn thanh toán, thì Hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên chấm dứt hiệu lực cho đến khi Chủ xe tiếp tục đóng phí bảo hiểm.
- 3.4 Thỏa thuận chậm đóng phí giữa Bảo Việt và Chủ xe tuân thủ theo các quy định tại các văn bản nhà nước có liên quan đến việc thanh toán phí bảo hiểm.

Điều 4. Sửa đổi bổ sung Hợp đồng bảo hiểm

- 4.1 Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm, nếu có sự thay đổi về mục đích sử dụng xe dẫn đến tăng hoặc giảm các rủi ro được bảo hiểm, Chủ xe cơ giới phải kịp thời thông báo cho Bảo Việt để áp dụng mức phí bảo hiểm phù hợp cho thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm.
- 4.2 Trong thời hạn Hợp đồng bảo hiểm, Chủ xe có thể yêu cầu Bảo Việt sửa đổi bổ sung Hợp đồng bảo hiểm. Trên cơ sở yêu cầu của Chủ xe, nếu chấp nhận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng Bảo Việt sẽ cấp sửa đổi bổ sung bằng văn bản.
- 4.3 Chủ xe sẽ phải nộp thêm phí/hoặc được hoàn lại một phần phí bảo hiểm tương ứng với rủi ro tăng thêm/hoặc giảm đi với thời hạn sửa đổi bổ sung Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn

- 5.1 Khi Chủ xe yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn, phải thông báo bằng văn bản kèm theo Giấy chứng nhận bảo hiểm cho Bảo Việt trước 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày định chấm dứt. Nếu Hợp đồng được hai bên thỏa thuận chấm dứt thì trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, Bảo Việt sẽ hoàn lại cho Chủ xe 70% phí bảo hiểm của thời gian còn lại, trừ trường hợp trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực đã xảy ra sự kiện bảo hiểm và phát sinh trách nhiệm bồi thường bảo hiểm.
- 5.2 Trường hợp Bảo Việt yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn, Bảo Việt phải thông báo bằng văn bản cho Chủ xe trước 15 (mười lăm) ngày và hoàn lại phí bảo hiểm cho Chủ xe tương ứng với thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm.

Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt từ thời điểm Bảo Việt nhận được thông báo hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm.

PHẦN 2- PHẠM VI BẢO HIỂM**Điều 6. Đối tượng bảo hiểm**

- Lái xe;
- Những người được chở trên xe.

Điều 7. Phạm vi bảo hiểm

Trong phạm vi mức trách nhiệm bảo hiểm, Bảo Việt sẽ bồi thường cho Chủ xe những thiệt hại về thân thể đối với lái xe và những người được chở trên xe với điều kiện những người này bị tai nạn khi đang ở trên xe, lên xuống xe trong quá trình xe ô tô đang tham gia giao thông.

Điều 8. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm

- 8.1 Trường hợp đối tượng bảo hiểm bị chết được thanh toán toàn bộ số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 8.2 Trường hợp đối tượng được bảo hiểm bị thương tật thân thể:
 - a) Số tiền bảo hiểm từ 50 triệu đồng trở xuống: Trả theo Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về người theo quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư 22.
 - b) Số tiền bảo hiểm trên 50 triệu đồng:
 - Thương tật tạm thời: Được thanh toán theo chi phí y tế thực tế, hợp lý và chi phí bồi dưỡng (tối đa không vượt quá 0,1% Số tiền bảo hiểm/ngày) người bị thương trong thời gian điều trị thương tật, nhưng không vượt quá tỷ lệ trả tiền quy định tại Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về người theo quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư 22
 - Thương tật vĩnh viễn: Được bồi thường theo tỷ lệ trả tiền bảo hiểm quy định tại Bảng trả tiền bảo hiểm nói trên.
- 8.3 Nếu tại thời điểm xảy ra tai nạn, số người thực tế (không bao gồm trẻ em dưới 7 tuổi) lớn hơn số người được bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm, thì mức trả tiền bảo hiểm sẽ giảm theo tỷ lệ giữa số người được bảo hiểm với số người thực tế trên xe.

PHẦN 3- LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM**Điều 9. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm:**

Bảo Việt sẽ không bồi thường thiệt hại đối với một trong các trường hợp dưới đây:

- 9.1. Đối tượng được bảo hiểm cố ý gây thiệt hại;
- 9.2. Đối tượng được bảo hiểm điều khiển xe không có Giấy phép lái xe (hoặc Giấy phép điều khiển xe) hợp lệ.
- 9.3. Tai nạn ngoài lãnh thổ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

PHẦN 4- ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG**1. Bảo hiểm thiệt hại xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam (PLNLT)**

Trên cơ sở yêu cầu và chấp nhận nộp phí của Chủ xe/Người thay mặt chủ xe yêu cầu bảo hiểm, Bảo Việt đồng ý nhận bảo hiểm theo quy định sửa đổi bổ sung như sau:

Mở rộng phạm vi bảo hiểm: Bảo Việt nhận bảo hiểm và chịu trách nhiệm bồi thường cho những tổn thất xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam và trong phạm vi các nước Trung Quốc, Lào, Campuchia, Thái Lan.

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

2. Các điều khoản bổ sung khác:

Ngoài các điều khoản bổ sung trên, Chủ xe và Bảo Việt có thể thoả thuận bảo hiểm bằng văn bản theo các điều khoản bảo hiểm riêng, trên cơ sở chấp thuận của Bảo Việt và theo nguyên tắc mở rộng phạm vi sẽ tăng phí, thu hẹp phạm vi sẽ giảm phí.

PHẦN 5- THÔNG BÁO TAI NẠN, GIÁM ĐỊNH BỒI THƯỜNG VÀ KHIẾU NẠI

Điều 10. Thông báo tai nạn và giám định thiệt hại

10.1 Thông báo tai nạn:

- a) Khi xe bị tai nạn, Chủ xe (hoặc lái xe) phải tìm mọi cách cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người cũng như tài sản, đồng thời báo ngay cho cơ quan Công an, Bảo Việt nơi gần nhất để phối hợp giải quyết hậu quả tai nạn. Trong vòng 5 (năm) ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn, Chủ xe hoặc người đại diện hợp pháp của Chủ xe phải thông báo tai nạn bằng văn bản gửi cho Bảo Việt (Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật).
- b) Trường hợp tai nạn có liên quan đến người khác thì Chủ xe phải xác định và cung cấp thông tin cho Bảo Việt để có cơ sở liên lạc và xác minh được vụ tai nạn.

10.2 Giám định tổn thất:

- a) Mọi tổn thất liên quan tới tai nạn đều được Bảo Việt tiến hành giám định trực tiếp với sự có mặt của Chủ xe, các bên có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoặc người đại diện hợp pháp, nhằm xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại. Bảo Việt chịu trách nhiệm về chi phí giám định.
- c) Trong trường hợp không thể thực hiện được việc giám định, thì Bảo Việt được căn cứ vào các biên bản, kết luận của các cơ quan chức năng có thẩm quyền và các tài liệu liên quan để xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại.
- d) Đối với những tổn thất mà Bảo Việt không có điều kiện giám định trực tiếp và không có biên bản tai nạn của Công an thì Chủ xe phải cung cấp đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến vụ tai nạn, mức độ thiệt hại cùng các chứng cứ làm cơ sở xác định bồi thường. Chủ xe phải chịu trách nhiệm về những thông tin cung cấp trên.

Điều 11. Mức giảm bồi thường

11.1 Bảo Việt sẽ giảm 5% số tiền bồi thường trong trường hợp:

- a) Chủ xe hoặc người đại diện không gửi thông báo bằng văn bản trong thời hạn 5 (năm) ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đã được Bảo Việt giám định thiệt hại trong thời gian này).
- b) Điều khiển xe chạy quá tốc độ cho phép trên 10% (trong trường hợp có xác nhận của cơ quan Công an về tỷ lệ vượt tốc độ bao nhiêu %).

- c) Chủ xe cơ giới không trung thực, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ của hồ sơ bồi thường dẫn đến tăng thêm thiệt hại cho Bảo Việt trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.
- 11.2 Bảo Việt sẽ giảm 50% đến 100% số tiền bồi thường trong trường hợp: Chủ xe cơ giới không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho Bảo Việt kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết, không hợp tác chặt chẽ với Bảo Việt để đòi lại người thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba gây thiệt hại cho Bảo Việt;
- 11.3 Bảo Việt sẽ giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ phần trăm chờ quá số người được phép chờ nếu tỷ lệ chờ quá số người vượt quá 10% và không quá 50% theo quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ. (Tỷ lệ chờ quá số người không bao gồm trẻ em dưới 7 (bảy) tuổi).

Trường hợp có nhiều mức giảm bồi thường cùng được áp dụng trong một vụ khiếu nại bồi thường thì Bảo Việt chỉ áp dụng một mức giảm bồi thường nào có tỷ lệ giảm cao nhất.

Điều 12. Hồ sơ bồi thường

Chủ xe, Người yêu cầu bồi thường phối hợp với Bảo Việt thu thập các chứng từ, tài liệu sau:

- 12.1 Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường (có mẫu in sẵn của Bảo Việt);
- 12.2 Bản sao: Giấy chứng nhận bảo hiểm, Đăng ký xe, Giấy phép lái xe (hoặc Giấy phép điều khiển xe);
- 12.3 Bản sao hồ sơ để xác định nguyên nhân tai nạn và giải quyết tai nạn:
 - a) Bản sao bộ hồ sơ tai nạn gồm: Biên bản khám nghiệm hiện trường (kèm sơ đồ hiện trường), Biên bản khám nghiệm xe liên quan đến tai nạn, Biên bản giải quyết tai nạn; Kết luận điều tra của Công an và Các tài liệu khác có liên quan đến vụ tai nạn (nếu có);
 - b) Bản án hoặc quyết định của Tòa án (trường hợp thỏa thuận hoặc phân định trách nhiệm bồi thường thiệt hại được giải quyết tại Tòa án);
 - c) Các biên bản, tài liệu xác định trách nhiệm của người thứ ba (trường hợp thiệt hại có liên quan đến lỗi của bên thứ ba);
- 12.4 Các chứng từ xác định thiệt hại về người gồm: Chứng từ y tế xác định tình trạng thương tích của nạn nhân như: Giấy ra viện, Bệnh án, Giấy chứng nhận tỷ lệ thương tật, Giấy chứng tử (trường hợp chết).

Điều 13. Thời hạn khiếu nại bồi thường và giải quyết tranh chấp

- 13.1 Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 (một) năm kể từ ngày xảy ra tai nạn. Nếu quá thời hạn này, mọi khiếu nại không còn giá trị.
- 13.2 Bảo Việt có trách nhiệm xem xét và giải quyết bồi thường trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ bồi thường đầy đủ, hợp lệ và không kéo dài quá 30 (ba mươi) ngày (trường hợp phải xác minh hồ sơ).

- 13.3 Thời hiệu khởi kiện của Chủ xe là 03 (ba) năm kể từ ngày nhận tiền bồi thường hoặc thông báo từ chối bồi thường của Bảo Việt bằng văn bản. Quá thời hạn này mọi khiếu nại không còn giá trị.
- 13.4 Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm nếu không giải quyết được bằng thương lượng giữa Bảo Việt và Chủ xe, sẽ được đưa ra phân xử tại Toà án Việt Nam.

A handwritten signature in black ink, appearing to be a stylized 'H' or similar character.

PHỤ LỤC: BIỂU PHÍ**BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI XE VÀ NGƯỜI TRÊN XE**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 6556/QĐ-BHBV ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt)

PHẦN 1: SỐ TIỀN BẢO HIỂM VÀ PHÍ BẢO HIỂM

STT	Số tiền bảo hiểm/người/vụ	Tỷ lệ bảo hiểm (năm)
1	Số tiền bảo hiểm tính bằng Đồng Việt Nam (đ) Từ 5.000.000 đ đến 200.000.000 đ	0,10%
2	Số tiền bảo hiểm tính bằng Đô la Mỹ (\$)	
-	Từ 5.000 \$ đến 10.000 \$	0,10%
-	Từ trên 10.000 \$ đến 30.000 \$	0,15%
-	Từ trên 30.000 \$ đến 50.000 \$	0,30%

Công thức tính: Phí bảo hiểm = Số tiền bảo hiểm x Tỷ lệ phí bảo hiểm

Lưu ý: Bảo hiểm tai nạn lái xe và người ngồi trên xe không thuộc diện chịu thuế GTGT.

PHẦN 2: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**I. Bảo hiểm tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam**

Phí bảo hiểm: Tăng thêm 50%

II. Phí bảo hiểm ngắn, dài hạn:**1. Công thức tính phí bảo hiểm dưới một năm hoặc trên một năm (Phí BH ngắn/dài hạn):**

Số ngày BH

$$\text{Phí BH ngắn/dài hạn} = \text{Phí BH năm} \times \frac{\text{Số ngày BH}}{365 \text{ ngày}} \times (100\% \pm \text{Tỷ lệ tăng/giảm phí})$$

2. Tỷ lệ tăng phí khi bảo hiểm ngắn hạn dưới 1 năm (Không khuyến khích bảo hiểm ngắn hạn):

Thời hạn bảo hiểm	Tỷ lệ tăng phí
- Đến 01 tháng (30 ngày)	100%
- Trên 01 tháng đến dưới 03 tháng	50%
- Từ 03 tháng đến 09 tháng	20%

3. Tỷ lệ giảm phí trường hợp bảo hiểm trên một năm (Khuyến khích mua bảo hiểm dài hạn nộp phí bảo hiểm một lần):

Thời hạn bảo hiểm	Tỷ lệ giảm phí
- Trên 18 tháng đến 21 tháng	10%
- Trên 21 tháng đến 24 tháng	15%
- Trên 24 tháng	20%

4. Giảm phí theo đối tượng khách hàng:

4.1 Giảm phí theo số lượng xe: Căn cứ theo khách hàng hoặc theo Hợp đồng bảo hiểm, mức phí bảo hiểm giảm theo số lượng xe cụ thể như sau:

- Từ 5 đến 15 xe giảm tối đa 10%
- Từ 16 đến 30 xe giảm tối đa 15%
- Từ 31 đến 50 xe giảm tối đa 20%
- Từ 51 xe trở lên giảm tối đa 25%

4.2 Giảm phí cho xe tái tục bảo hiểm: Căn cứ vào số năm bảo hiểm trước thời điểm tái tục, nếu xe không có tổn thất mức phí được giảm cụ thể như sau:

- Một năm liên trước thời điểm tái tục không có tổn thất giảm 10%;
- Hai năm liên tục trước thời điểm tái tục không có tổn thất giảm 20%;
- Từ trên ba năm liên tục trước thời điểm tái tục không có tổn thất giảm 25%.

*** Lưu ý:**

- Đối với thời hạn bảo hiểm không quy định trong bảng trên thì % tăng/giảm phí được hiểu là bằng 0.

- Thời hạn bảo hiểm tối thiểu có thể áp dụng là 30 ngày.

- Riêng đối với bảo hiểm xe tự hành theo tuyến xác định (di chuyển từ kho đến kho, từ nhà máy đến nơi trưng bày, di chuyển giao xe tới địa chỉ người mua...) phí bảo hiểm bằng phí năm/365 ngày nhân với số ngày tham gia bảo hiểm và tối thiểu không thấp hơn 2% phí bảo hiểm một năm. Thời hạn bảo hiểm từ 30 ngày trở lên áp dụng theo phí ngắn hạn như mục II.2, Phần 2 trên đây.

- Trường hợp kết hợp các quy định giảm phí trên đây, mức giảm tối đa không quá 35% trên mỗi Hợp đồng bảo hiểm.

A



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO HIỂM TRỰC TUYẾN IBAOHIEM

HOTLINE: [0966.490.888](tel:0966.490.888)

ZALO: [Bảo Hiểm Trực Tuyến IBAOHIEM](#)